

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng mạnh trong phiên chiều trước sự dẫn dắt chính của nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và vật liệu xây dựng với thanh khoản giảm nhẹ

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước đà tăng mạnh vào phiên chiều của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

HAH, DGW

## [Cập nhật công ty]

VHC

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading trong các nhịp hồi sớm

16/02/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,058.29	+0.96
VN30	1,055.26	+1.14
HĐTL VN30F1M	1,052.30	+1.48
HNXIndex	210.84	+1.38
HNX30	366.75	+2.21
UPCoM	79.66	+0.24
USD/VND	23,636	+0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.18	+11
Lãi suất qua đêm (%)	4.78	+120
Dầu (WTI, \$)	78.92	+0.42
Vàng (LME, \$)	1,839.96	+0.22



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,058.29 (+0.96%)  
**KLGD (triệu CP)** 410.3 (-12.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 357.5 (-14.4%)

TTCK Việt Nam tăng mạnh trong phiên chiều trước sự dẫn dắt chính của nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và vật liệu xây dựng với thanh khoản giảm nhẹ. Khối ngoại tiếp tục bán ròng tại STB (+2.4%), VIC (+1.0%), DXG (+1.8%).

**HNXIndex** 210.84 (+1.38%)  
**KLGD (triệu CP)** 65.3 (+6.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 46.9 (+13.5%)

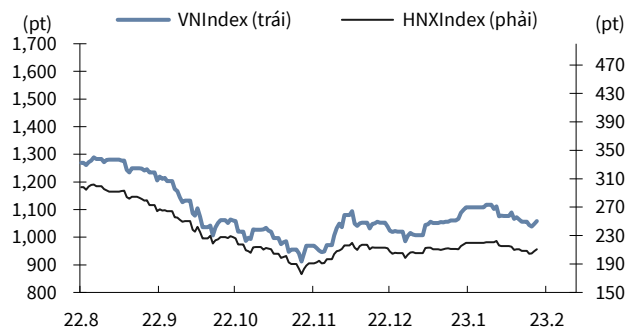
Lãi suất tiết kiệm đang hạ nhiệt ở thị trường một (dân cư và tổ chức kinh tế) giảm khoảng 1-1.5%/năm so với trước và sau Tết Quý Mão và ở cả thị trường hai (thị trường liên ngân hàng). Cổ phiếu ngân hàng tăng ở MBB (+1.39%), ACB (+1.02%), STB (+2.36%).

**UPCoM** 79.66 (+0.24%)  
**KLGD (triệu CP)** 29.3 (+21.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 16.8 (+61.6%)

Trong năm 2023, UBND TP. HCM được giao hơn 70.000 tỷ đồng vốn đầu tư công, cao gần gấp 2 lần so với kế hoạch vốn năm 2022 và đã đạt mục tiêu kết quả giải ngân đạt trên 95%, trong đó sẽ tập trung chỉ đạo công tác giải ngân đầu tư công ngay từ đầu năm. Cổ phiếu đầu tư công tăng giá ở C4G (+0.88%), C47 (+2.26%).

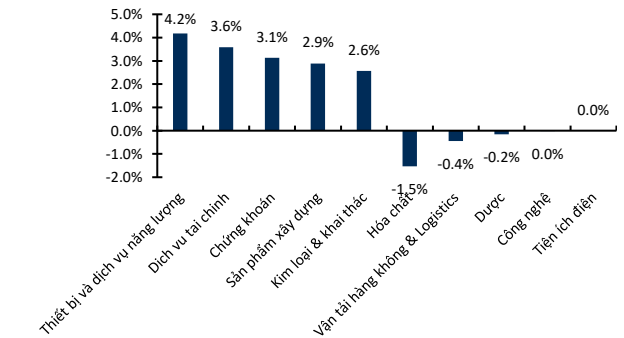
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -3.9

VNIndex & HNXIndex



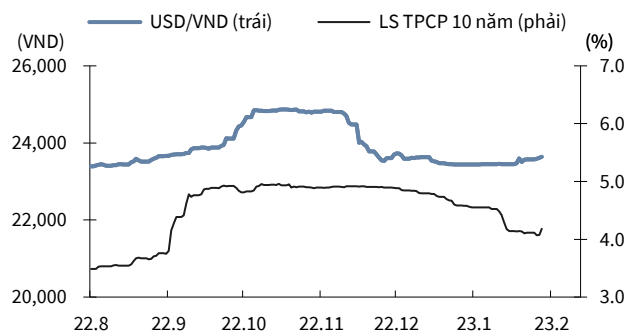
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



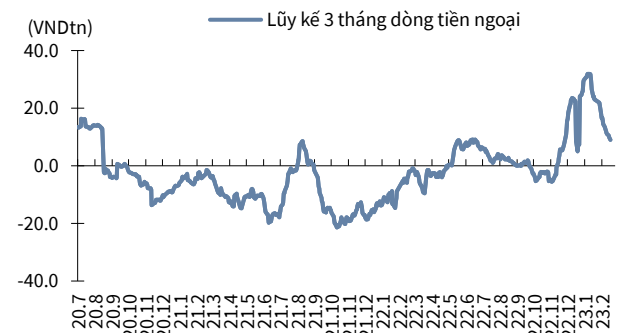
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

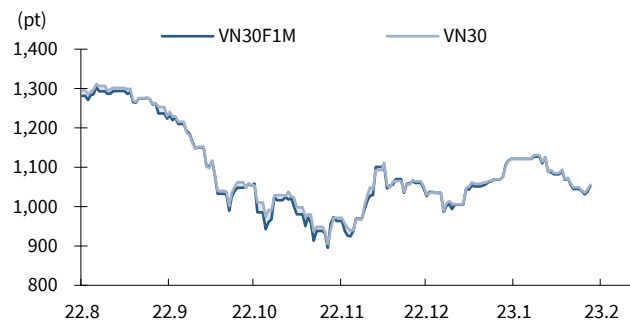
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,055.26 (+1.14%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,052.3 (+1.48%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,041.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,053.7</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,038.6</b>

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước đà tăng mạnh vào phiên chiều của chỉ số VN30. Chênh lệch F2302 và chỉ số VN30 đạt mức cao nhất tại 2.16 điểm trong đầu phiên sáng, sau đó đảo chiều và biến động giằng co quanh mức -0.89 điểm và đóng cửa tại -2.96 điểm. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

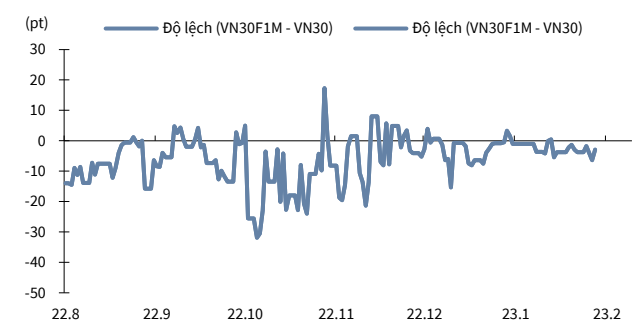
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>280,428 (-23.6%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



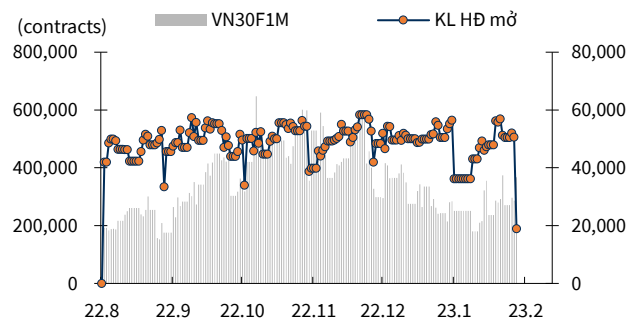
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



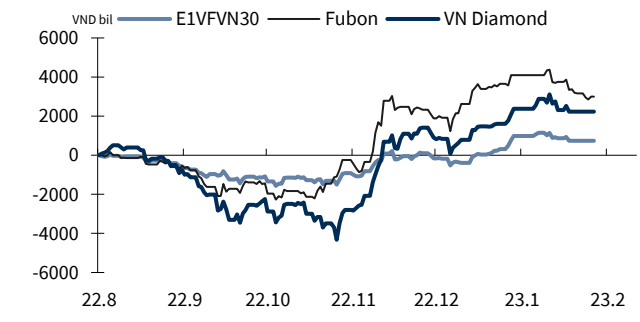
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

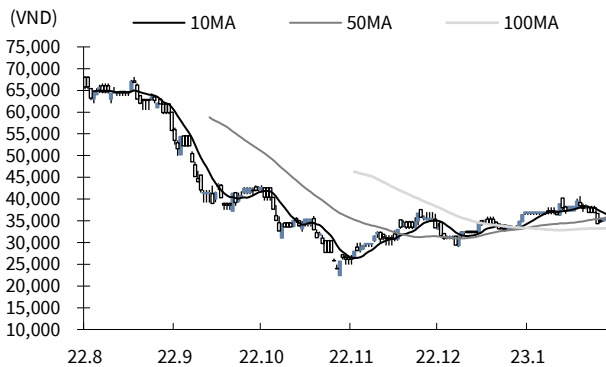
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH)

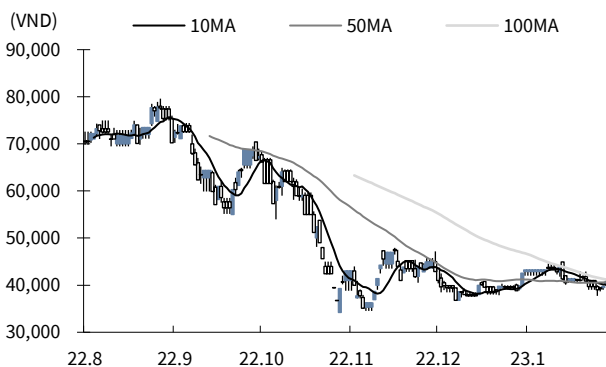


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAH tăng 0.8% lên 35,650 VND/cp

- CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An công bố BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán, với lợi nhuận đạt 1,041 tỷ đồng, tăng 89% so với năm 2021; và doanh thu thuần đạt 3,206 tỷ đồng tăng 64% YoY. HAH cho biết kết quả kinh doanh tăng chủ yếu đến từ hoạt động khai thác tàu.

## Digiworld (DGW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGW tăng 2.3% lên 40,650 VND/cp

- CTCP Thế giới số thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận sau thuế là 787 tỷ đồng (+15% YoY) và doanh thu 25,109 tỷ đồng (+14% YoY).  
- Digiworld cũng đặt mục tiêu hoàn thành hai thương vụ M&A trong năm nay, một trong mảng thiết bị văn phòng và một trong mảng hàng tiêu dùng.

16/02/2023

 Chuyên viên phân tích: Trần Thị Phương Anh  
 anhhttp@kbsec.com.vn

**Kết quả kinh doanh Q4/2022 giảm mạnh với cả giá bán và sản lượng sụt giảm**

Vĩnh Hoàn ghi nhận KQKD quý 4/2022 sụt giảm mạnh với lợi nhuận đạt 190 tỷ đồng (-58% YoY) và doanh thu đạt 2,484 tỷ đồng (-8% YoY) do sức mua thấp đặc biệt tại thị trường chính là Mỹ và giá bán giảm mạnh tại các thị trường xuất khẩu.

**Kim ngạch xuất khẩu cá tra tháng 1/2023 tiếp tục giảm sâu và năm 2023 ngành cá tra sẽ trải qua nhiều thách thức**

Theo VASEP, xuất khẩu cá tra tháng 1 năm 2023 đạt 107 triệu USD (-50 YoY). Chúng tôi duy trì quan điểm ngành cá tra thời gian tới sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức do nền kinh tế thế giới chậm lại khiến các khách hàng vẫn khá dè dặt với đơn đặt hàng mới dù tồn kho tại thị trường xuất khẩu đã được giải phóng phần nào.

**Dấu hiệu tích cực hơn từ thị trường Trung Quốc dù chưa quá rõ ràng**

Có dấu hiệu khả quan từ thị trường Trung Quốc khi thương nhân Trung Quốc đã hỏi giá nhiều hơn so với trước Tết nhưng việc chốt đơn vẫn chưa thay đổi đáng kể khi nhu cầu tại Trung Quốc chưa tăng mạnh và hàng tồn kho vẫn chưa thiếu hụt.

**Giá cá nguyên liệu đang có dự hời phục nhẹ khi triển vọng tại Trung Quốc khả quan hơn**

Giá cá tra xuất khẩu hiện đã suy giảm đáng kể về tương đương mức đầu năm 2021 trong khi giá cá tra nguyên liệu hiện tăng lên mức 28,500-29,500 VND/kg, giá cá giống sau khi giảm về mức đầu năm 2022 đã tăng trở lại quanh mức 43,000 VND/kg do nguồn cung khan hiếm.

**Khuyến nghị nắm giữ, giá mục tiêu 68,100 VND/cp**

Chúng tôi dự báo kết quả kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận đạt 1,462 tỷ đồng (-27% YoY) và doanh thu 11,326 tỷ đồng (-14.4% YoY). Khuyến nghị nắm giữ, giá mục tiêu 68,100 VND/cp.

## Nắm giữ

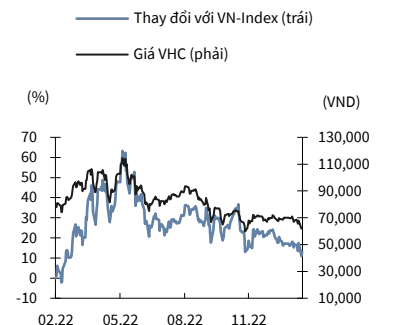
Giá mục tiêu	VND 68,100
Tăng/giảm (%)	+6.7%
Giá hiện tại (15/02/2023)	VND 63,800
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	11,700

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	49.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	36.4/1.5
Sở hữu nước ngoài (%)	30.1%
Cổ đông lớn nhất	Trương Thị Lệ Khanh 43.16%

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-8	-15	-27	-14
Tương đối	-6	-25	-9	17

### Dự phóng KQKD & định giá

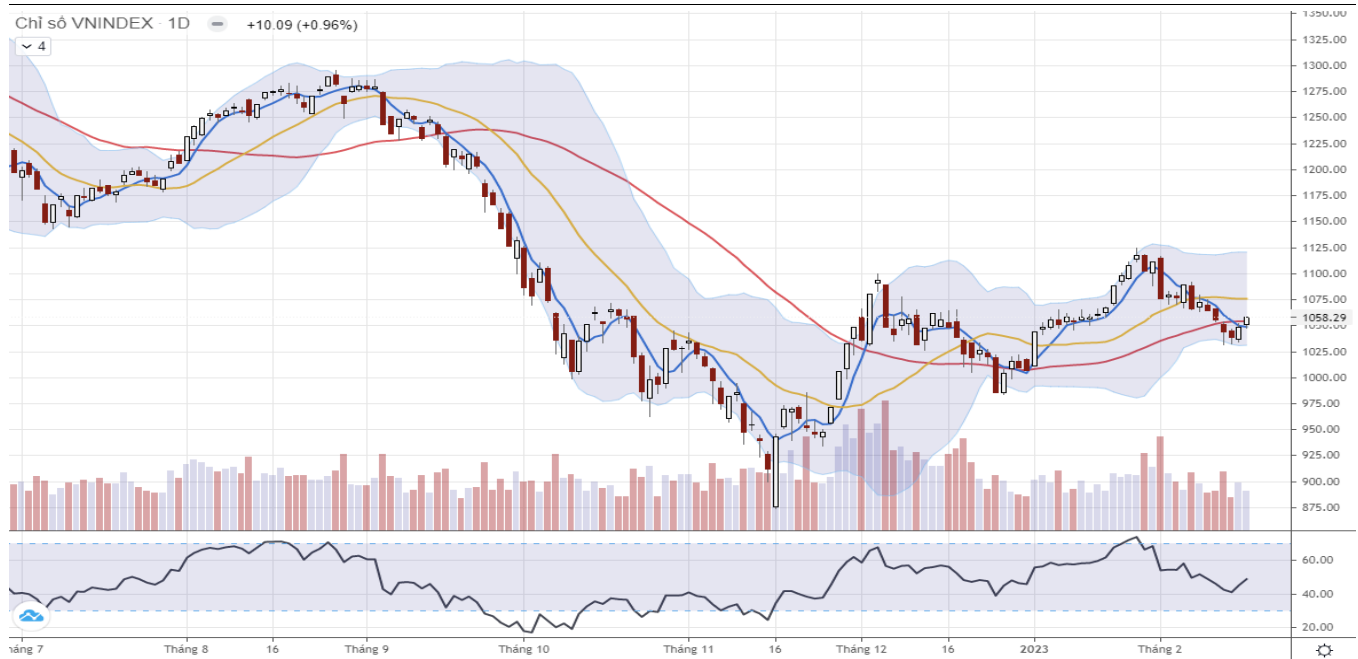
FY-End	2020A	2021A	2022A	2023F
Doanh thu thuần (Tỷ VNĐ)	7,037.2	9,054.2	13,239	11,323.5
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	821.2	1,287.4	2,317	1,682.8
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VNĐ)	719	1,099	1,977	1,449
EPS (VNĐ)	3,923	5,993	10,815	7,901
Tăng trưởng EPS (%)	-39.0	52.8	79.1%	-29.4
P/E (x)	18.2	11.9	1.8	8.1
P/B (x)	2.5	2.2	0.5	1.3
ROE (%)	13.9	18.7	29.7%	15.8
Tỷ suất cổ tức (%)	5	4.3	2.5	2.9



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp tăng điểm giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Áp lực bán suy yếu kết hợp với lực mua chủ động gia tăng đã giúp cho chỉ số mở rộng đà hồi phục và thử thách lại ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1055-1060. Mặc dù vậy, trạng thái thị trường vẫn chưa có nhiều thay đổi và rủi ro quay lại nhịp điều chỉnh tiếp tục hiện hữu nếu VNIndex không sớm vượt MA20, tương ứng với vùng kháng cự quanh 107x.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading trong các nhịp hồi sớm.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1070 - 1075

Kháng cự gần: 1057 - 1062

Hỗ trợ gần: 1045 - 1047

Hỗ trợ xa: 1035 - 1039

- F1 trải qua một nhịp tăng điểm giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Áp lực bán suy yếu kết hợp với lực mua chủ động gia tăng đã giúp cho chỉ số mở rộng đà hồi phục và thử thách lại ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1055-1060. Mặc dù vậy, trạng thái thị trường vẫn chưa có nhiều thay đổi và rủi ro quay lại nhịp điều chỉnh tiếp tục hiện hữu nếu F1 không sớm vượt MA20, tương ứng với vùng kháng cự quanh 107x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các vùng kháng cự nhưng đặt STOP chặt

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

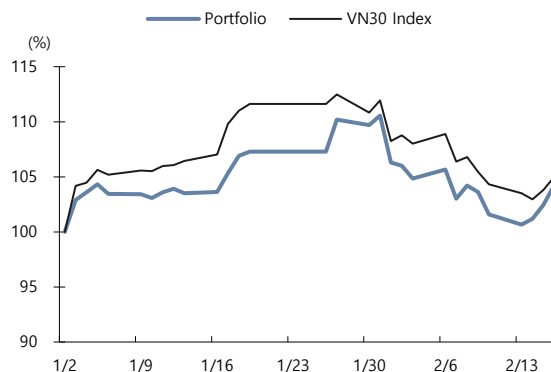
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.14%	1.75%
Tăng lũy kế (YTD)	4.98%	4.23%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/02/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,300	1.3%	12.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	19,500	2.1%	-6.9%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,600	0.7%	43.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,000	0.8%	-2.0%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	14,450	2.5%	-15.5%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	81,600	0.0%	236.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,700	2.8%	57.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,900	0.7%	47.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,300	2.4%	91.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	23,950	4.1%	133.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HDB	3.9%	18.5%	29.9
VNM	0.7%	55.8%	22.7
HSG	5.0%	8.7%	19.1
MSN	-0.1%	30.6%	19.0
CTG	2.8%	28.1%	18.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	2.4%	29.9%	-94.4
VIC	1.0%	12.9%	-53.2
DXG	1.8%	26.8%	-23.5
DCM	0.0%	11.3%	-27.4
DGC	-0.6%	16.2%	-18.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	6.9%	19.6%	7.5
CEO	1.0%	2.4%	5.6
TNG	9.7%	9.6%	2.7
IDC	1.5%	0.9%	1.1
SHS	2.4%	6.6%	0.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MBS	3.0%	0.8%	-0.3
PVG	1.3%	2.9%	-0.2
VNR	0.0%	27.2%	-0.2
PGN	1.3%	7.2%	-0.1
SLS	-1.0%	0.2%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	7.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	5.5%	PVD, PVT
Thương mại & phân phối	4.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Kim loại & khai thác	3.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Phụ tùng oto	3.1%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-3.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-3.1%	TLG, ILB, APC, ST8
Máy móc	-2.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Giấy & lâm sản	-2.5%	DHC, HAP, HHP, VID
Tập đoàn công nghiệp	-2.2%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dược	7.6%	DHG, IMP, TRA, DBD
Kim loại & khai thác	7.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	7.0%	PVD, PVT
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	5.3%	PLX, PGC, CNG, GSP
Sản xuất điện	5.1%	POW, VSH, GEG, TMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-8.8%	TLG, ILB, APC, ST8
Quản lý & phát triển bất động sản	-5.7%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-3.5%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Dịch vụ tài chính	-3.2%	EVF, OGC
Thực phẩm	-2.7%	VNM, MSN, KDC, VHC

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	107,457 (4.6)	22.5	33.9	31.8	14.7	5.3	5.4	1.8	1.7	0.9	-1.5	-2.6	-0.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	110,726 (4.7)	26.6	5.2	5.0	35.9	20.9	18.6	1.0	0.9	0.0	-6.2	17.2	-11.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	41,973 (1.8)	17.8	17.5	15.4	-7.6	10.5	11.2	1.9	1.8	0.2	0.7	-0.4	8.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	229,300 (9.8)	31.3	2.8	3.4	6.7	13.0	13.8	0.3	0.4	3.1	18.7	-	-17.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	45,896 (2.0)	11.6	16.1	13.2	13.7	11.3	12.6	1.6	1.5	1.1	3.2	5.5	4.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	132,315 (5.6)	13.9	9.3	7.8	-	6.4	7.4	0.5	0.5	1.8	-9.3	13.2	-12.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	95,305 (4.1)	6.3	13.9	12.7	11.7	18.7	20.1	2.7	2.3	-0.6	-0.6	5.8	15.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	70,493 (3.0)	12.7	11.2	9.1	-5.3	19.1	19.7	1.9	1.5	2.3	2.3	0.7	16.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	114,745 (4.9)	0.0	4.5	3.9	14.3	17.7	17.4	0.7	0.6	1.8	2.2	-0.7	7.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	91,940 (3.9)	1.4	7.6	6.2	50.3	17.9	18.8	1.2	1.0	2.8	1.0	-1.0	9.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	376,447 (16.0)	0.0	6.9	5.9	18.8	16.1	16.0	1.0	0.9	1.7	-2.8	-9.8	-2.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	183,733 (7.8)	0.0	4.3	3.8	14.6	22.6	21.1	0.8	0.7	1.4	-1.1	-1.4	6.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	42,962 (1.8)	4.2	5.2	4.4	23.3	21.1	20.4	1.0	0.8	3.9	1.6	9.5	16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	492,976 (21.0)	14.0	7.3	4.8	26.5	19.1	20.2	1.0	0.8	2.4	-2.2	-6.3	6.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	218,033 (9.3)	0.0	5.9	4.5	37.4	18.7	18.0	1.0	0.8	0.8	-1.0	9.1	14.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	54,999 (2.3)	0.2	-	-	27.3	14.6	14.9	-	-	4.8	-	-	-21.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	26,807 (1.1)	21.0	16.4	14.5	15.8	10.4	10.7	1.6	1.5	1.4	1.5	4.0	7.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,715 (0.3)	14.2	12.1	10.3	9.1	13.7	15.0	1.2	1.1	3.8	8.0	14.3	26.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	306,032 (13.0)	55.4	16.6	13.2	-3.2	8.1	10.2	-	-	2.1	0.8	0.5	10.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	154,687 (6.6)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.4	-0.7	-4.1	16.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	103,306 (4.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	4.3	1.2	3.8	21.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	337,525 (14.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	4.3	1.4	-2.7	8.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	137,435 (5.9)	42.1	16.8	15.5	4.0	29.7	30.9	4.6	4.4	0.7	2.0	-3.7	0.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,773 (0.8)	36.9	21.3	18.3	7.3	22.7	23.4	4.5	4.0	0.4	-2.1	0.6	13.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	60,057 (2.6)	16.5	25.2	18.5	-51.9	12.4	16.9	3.9	3.4	-0.1	1.2	-2.1	-0.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,828 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.9	-0.2	-0.7	2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	28,801 (1.2)	11.0	32.4	19.0	-88.5	13.0	26.1	-	-	0.1	0.9	-4.2	-6.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	39,142 (1.7)	10.8	14.7	15.6	-57.0	15.2	13.7	2.0	1.9	1.0	-3.0	11.1	15.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	49,110 (2.1)	38.4	19.9	8.2	65.7	3.0	7.3	0.6	0.6	2.3	-2.5	-3.6	3.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	159,996 (6.8)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.0	-4.4	-4.0	5.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	11,536 (0.5)	3.6	16.0	9.8	-52.4	1.9	3.1	0.3	0.3	1.3	-3.6	-1.8	5.6
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	33,832 (1.4)	0.0	10.2	9.0	-4.5	14.6	14.7	1.4	1.2	0.7	-2.1	0.1	-0.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	30,476 (1.3)	46.1	15.4	14.4	-17.5	21.5	20.2	3.2	2.9	0.7	-0.2	4.8	6.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,556 (0.8)	31.4	9.5	8.8	-10.5	17.8	21.4	1.9	-	-0.5	3.0	2.1	0.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,333 (0.1)	34.1	8.2	5.3	-5.1	11.7	17.5	-	-	-0.3	-2.0	5.8	15.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	609,398 (25.9)	18.0	11.4	8.3	21.9	11.7	14.8	1.2	1.1	2.4	3.4	5.2	18.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	77,938 (3.3)	36.5	5.4	9.8	-0.5	21.7	12.8	1.1	1.1	-0.4	-8.5	-4.9	-9.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	66,212 (2.8)	46.5	7.1	8.3	-4.5	17.9	14.2	1.2	1.2	0.0	-1.9	-0.8	-4.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	252,417 (10.7)	38.9	14.1	7.8	67.9	6.1	10.0	0.8	0.7	5.0	11.2	15.7	37.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	35,654 (1.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.2	-3.8	15.8	21.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,861 (1.2)	4.6	15.8	14.2	-51.0	12.4	12.9	2.0	1.9	0.6	2.9	6.0	23.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	87,690 (3.7)	39.9	29.4	15.3	-11.9	4.1	5.5	0.9	0.8	4.5	6.0	10.5	23.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	44,769 (1.9)	35.9	7.7	6.9	2.2	14.4	15.3	1.0	0.9	3.6	4.6	2.8	-7.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	131,591 (5.6)	0.0	11.1	8.7	14.4	19.8	23.1	2.2	1.8	1.3	-1.6	3.3	0.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	46,485 (2.0)	0.0	13.1	11.5	2.4	22.3	22.1	2.6	2.1	0.7	-0.4	-5.6	-8.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	594 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	1.2	14.3	8.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	77,255 (3.3)	30.3	20.1	15.9	-75.2	20.7	21.9	3.8	3.1	-0.3	-0.5	14.5	6.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,917 (1.0)	34.6	8.7	7.9	41.2	22.5	24.0	1.7	1.4	1.9	0.2	4.3	6.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,862 (0.1)	45.4	12.9	12.7	10.7	21.6	20.8	2.8	2.4	-0.1	3.7	13.3	16.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	77,717 (3.3)	0.0	14.4	11.8	15.5	28.2	30.0	3.5	3.0	0.0	1.1	1.0	6.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên phân tích cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anh1d@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anh1tp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.